

HỘI QUÁN QUẢNG TRIỆU

Trần Phương

Vùng đất Hội An trong lịch sử với những ưu thế về điều kiện tự nhiên cùng với tầm nhìn chiến lược của các chúa Nguyễn, vào cuối thế kỷ XVI vùng đất này đã trở thành một trong những cảng thị mậu dịch quốc tế phồn thịnh nằm trên đường hàng hải quốc tế nối liền phương Tây và phương Đông. Thương thuyền các nước Bồ Đào Nha, Hà Lan, Anh, Tây Ban Nha từ Tây Âu; Nhật Bản, Trung Hoa từ Đông Bắc Á; Philippin, Indonesia, Thái Lan từ Đông Nam Á hằng năm đã đến mua bán tập nập tại cảng thị Hội An thông qua hội chợ tổ chức tại đây. Các Chúa Nguyễn ngoài chủ trương mở rộng cửa đón thương khách nước ngoài đến buôn bán còn cho phép hai giới thương nhân người Nhật và người Hoa tìm địa điểm thích hợp để dựng phố buôn bán lâu dài và cũng từ đó ra đời phố Nhật và phố Khách trên cảng thị Hội An vào cuối thế kỷ XVI đầu thế kỷ XVII. Đến năm 1639, nước Nhật với chính sách đóng cửa của Mạc Phủ (ra lệnh cấm công dân nước họ không được đi ra nước ngoài bằng đường biển với bất kỳ lý do nào và buộc kiều bào Nhật đang sống và làm ăn ở nước ngoài phải hồi hương trong phạm vi một thời gian nhất định, nếu họ không chấp hành lệnh này thì họ sẽ bị nghiêm trị) đã làm phố người Nhật ở Hội An dần dần rơi vào cảnh suy tàn. Trong thời gian đó, các thương gia người Hoa đã dần dịch chuyển sang khu phố người Nhật để phát triển các hoạt động buôn bán của mình và xây dựng nên các thiết chế sinh hoạt cộng

đồng riêng, trong số đó có hội quán Quảng Triệu.

Hội quán Quảng Triệu còn được gọi là hội quán Quảng Đông (*Quảng Triệu là tên ghép của Quảng Châu và Triệu Khánh, đây là 2 phủ của tỉnh Quảng Đông, Trung Hoa*), tọa lạc tại số 176 đường Trần Phú, phường Minh An, thành phố Hội An. Đây là công trình kiến trúc tín ngưỡng của một bộ phận cư dân người Hoa (gốc *Quảng Đông, Trung Quốc*) đến cư trú ở Hội An theo dạng thương khách trong các thế kỷ XVIII và XIX. Hội quán được xây dựng nhằm tạo điều kiện để trao đổi thông tin, giúp đỡ lẫn nhau trong làm ăn buôn bán, đồng thời là một nơi thờ phụng chung của người Quảng Đông cư trú tại đây.

Về niên đại xây dựng, hiện vẫn chưa có tư liệu chứng minh được thời gian khởi tạo hội quán. Theo tư liệu truyền khẩu cho rằng hội quán được khởi tạo năm 1786. Theo nội dung xà cò đặt tại chính điện ghi:

Nguyên văn: 光緒拾年・次
甲申孟秋穀旦重建

Phiên âm: Quang Tự thập niên, tuế thứ Giáp Thân mạnh thu cốc đán, trọng kiến.

Dịch nghĩa: Đời vua Quang Tự năm thứ mười, Giáp Thân (năm 1884), tháng bảy, ngày tốt, làm lại mới.

Trong khi đó tại văn bia lập năm 1964 tại hội quán lại ghi thời gian khởi dựng là năm 1885:

Nguyên văn: 本會館建于清代光
緒十一年今八十餘載成古廟也

Phiên âm: Bồn hội quán kiến vu Thanh đại, Quang Tự thập nhất niên, kim bát thập dư tải thành cổ miếu dã.

Dịch nghĩa: Hội quán ta xây dựng thời nhà Thanh, Quang Tự năm thứ 11 (1885), đến nay hơn 80 năm, trở thành cổ miếu vậy.

Bên cạnh đó còn có một số chi tiết ghi dấu ấn niên đại như trên nóc hội quán có đắp nổi chữ Hán, nội dung: 光
緒十年 (Quang Tự thập niên) – vào năm Quang Tự thứ 10 (năm 1884); trên đỉnh đồng có khắc chữ: 光
緒九年 (Quang Tự cửu niên) – vào năm Quang Tự thứ 9 (năm 1883); trên lư hương ghi: 光
緒十一年 (Quang Tự thập nhất niên) – vào năm Quang tự thứ 11 (năm 1885).

Hội quán đã trải qua nhiều lần

trùng tu, theo văn bia lập năm 1953 đã ghi lại việc trùng tu như sau:

Nguyên văn: 于民國五十二年秋,館之西廊競因之而傾,乃集幫僑會議並
成立重修委會,進行籌畫作功.

Phiên âm: Vu Dân quốc ngũ thập nhị niên thu, quán chi Tây lang cạnh nhân chi nhi khuynh đảo nãi tập bang kiều hội nghị tịnh tức thành lập “Trùng tu ủy hội”, tiến hành tru hoạch công tác.

Trùng tu lần thứ hai vào năm 1970, theo xà cò đặt tại chính điện hội quán:

Nguyên văn: 中華民國五十九年
次庚戌孟秋穀旦重修

Phiên âm: Trung Hoa dân quốc ngũ thập cửu niên, tuế thứ Canh Tuất mạnh thu, cốc đán trùng tu.

Trùng tu lần thứ ba vào năm 1999, văn bia ghi:



Nguyên văn: 美國會安僑胞
贊助重修會安廣肇會館萬善堂
己卯年季春吉日會安廣肇會館
重修委會謹立

Phiên âm: Mỹ quốc Hội An đồng
kiều tán trợ trùng tu Hội An Quảng
Triệu hội quán, Vạn Thiện đường. Kỷ
Mão niên quý xuân cát nhật. Hội An
Quảng Triệu hội quán Trùng tu ủy hội,
cần lập.

Về đối tượng thờ tự, ban đầu hội
quán thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu ở
chính giữa, tả hữu thờ tiên nhân và
Thần Tài. Năm 1915 thờ thêm Khổng
Tử ở chính giữa, sau đó ít năm bỏ tất cả
các vị thần ở chính giữa thay vào đó
thờ Đức Quan Thánh đế quân cho đến
nay. Hai bên tả hữu từ trước đến nay
vẫn giữ nguyên thờ tiên hiền và Thần
Tài. Tại đây diễn ra nhiều lễ cúng tế,
trong đó hằng tháng vào mùng 2 âm
lịch cúng Thổ Địa, 16 âm lịch cúng
Thần Tài, hằng năm vào ngày 13 tháng
giêng âm lịch cúng ngày Đản sanh
Quan Thánh Đại Đế, ngày 16 tháng
giêng lễ Nguyên tiêu cúng tiên hiền,
ngày 23 tháng 3 âm lịch lễ vía Thiên
Hậu Thánh mẫu, ngày 26 tháng 6 âm
lịch lễ vía Phước Đức Chính Thần,
ngày 22 tháng 7 âm lịch lễ vía Thần
Tài, ngày 9 tháng 9 âm lịch ngày hiển
thánh Thiên Hậu Thánh Mẫu.

Hội quán được xây dựng trên một
diện tích khá rộng, khoảng 1687m², mặt
tiền quay theo hướng Nam lệch Tây 12
độ, tổng diện tích kiến trúc 948m²,
trong đó bề ngang là 23m, bề dài là
41,2m, khoảng sân vườn ở sau rộng
300m². Bố cục mặt bằng tổng thể hội
quán theo kiểu chữ Quốc (國) gồm có
tam quan – sân trước – tiền điện – sân
giữa – chính điện – hai bên là dãy nhà
Đông và Tây – sân sau.

Tam quan trước đây có cổng và
hàng rào hai bên bằng song sắt, đến
năm 1992 được trùng tu, xây mới lại
theo kiểu tam quan bằng bê tông cốt
thép. Tam quan cao 7m, rộng 7,8m, có
mái che ở 3 lối vào, mái đúc bê tông,
đắp ngói ống, trên bề mặt 04 trụ vẽ đồ
án mây, trên bề mặt hai trụ chính giữa
đắp nổi câu đối chữ Hán, sơn màu đen:

Nguyên văn:

廣資集公益群賢盛會

肇・濟眾生合境同安

Phiên âm: Quảng tư tập công ích
quần hiền thịnh hội,

Triệu khai tế chúng sinh hợp cảnh
đồng an.

Trên hai đỉnh trụ tam quan đặt
tượng nghệ bằng đá, bên dưới mái giữa
hai trụ hai bên trang trí các đồ án trang
trí hình rồng, hoa dây cách điệu. Phía
trên chính giữa lối vào tam quan có 01
bức hoành đắp nổi các chữ Hán, sơn
màu đỏ: 廣肇會館 (Quảng Triệu hội
quán), 壬申仲夏 - 李松年書
(Nhâm Thân trọng hạ - Lý Tùng Niên,
thư). Mặt sau cổng chính có hoành phi
chữ Hán: 繼往開來 (Kế vãng khai
lai).

Sau cổng là phần sân trước, có
diện tích 207m² (23x9m), nền lát
ximăng. Tường bên phía Đông có một
am thờ Cô hồn được xây trên cao. Hai
bên tường Đông Tây đắp nổi hai bức
hoành lớn: 精誠團結 (Tinh thành
đoàn kết), 博愛和平 (Bác ái hòa
bình), hai bên sát tường rào có 02 bia
đá khắc chữ Hán. Dọc 2 bên sân có đặt
02 tượng lân và 02 tượng “phụng cười
quy”.

Vào bên trong là tiền điện, chính
giữa có 01 lối đi, hai bên có cặp liễn

đôi bằng gỗ, bên trên khắc các chữ Hán:

Nguyên văn:

▪ 湖蒙德澤

矜峽沐恩波

Phiên âm:

Nga hồ mông đức trạch,

Linh hạp mộc ân ba.

Phía trên lối vào có một khối đá làm đà ngang cửa tiền điện tạo thành bức hoành, viền sơn màu đỏ, chữ nổi: 廣肇會館 (Quảng Triệu Hội Quán). Hai bên tường Đông Tây có 02 bức phù điêu, tường phía Đông bức phù điêu với nội dung “Đào viên kết nghĩa” (Kết

nghĩa vườn
đào giữa
Quang Vân
Trường, Lưu
Bị và Trương
Phi), tường
phía Tây là
bức phù điêu
với nội dung
“Quan Công
phò nhị tẩu”
(Quan Vân
Trường hộ giá

hai phu nhân Lưu Bị). Trong tiền điện có các bức hoành đề chữ Hán, bức hoành thứ nhất trên xiên gian giữa, chất liệu gỗ, nền đen, chữ màu vàng, viền trang trí hình rồng, chính giữa đề chữ Hán: 慈藎鏡海 (Tì vân kính hải), lạc khoản ghi niên đại: 光緒十一年季冬吉旦 (Quang Tự thập nhất niên quý đông cát đán). Bức hoành thứ 2 treo ở dưới bức hoành “Tì vân kính hải” có nội dung: 好義可嘉 (Hảo nghĩa khả gia), lạc khoản ghi: ▪ 定三年十月吉日 (Khải Định tam niên, thập nguyệt

cát nhật), được sơn son thếp vàng; hai cột gỗ gắn liền đôi bằng gỗ.

Nguyên văn:

坤德配天南國有生皆聖澤

恩波匝地海隅無處不慈航

Phiên âm:

Khôn đức phối thiên Nam quốc hữu sinh giai thánh trạch,

Ân ba匝 địa hải ngưng vô xứ bất từ hàng.

Bức hoành thứ 3 treo trên tường mặt trong lối vào tiền điện, đề các chữ Hán: 殿宇重光 (Điện vũ trùng quang), lạc khoản ghi: 會安廣肇會館重修落誌慶成, 順化廣肇會館敬奉 / 中華民國六十年

次辛亥
(Hội An, Quảng
Triệu hội quán
trùng tu lạc
thành chí
khánh, Thuận
Hóa, Quảng
Triệu hội quán
kính phụng,
Trung Hoa dân

quốc lục thập niên tuế thứ Tân Hợi). Trên tường tiền điện có 03 tấm bia đá khắc chữ Hán. Hệ mái tiền điện theo kiểu mái có đầu hồi, lợp ngói ống với 46 hàng ngói dương, đường bờ nóc thẳng, thấp hơn bờ hồi, trên bờ nóc trang trí đồ án “lưỡng long triều dương”, hai đầu bờ nóc gắn hình hồi long cách điệu, mặt trước đường bờ nóc trang trí đề tài: tùng - điểu, tùng - lộc, tê giác, hươu nai, chim chóc, cảnh thiên nhiên. Bờ hồi thẳng, cuối hai đầu đao gắn tượng cá chép hóa rồng (cản sành). Hệ khung đỡ mái bằng gỗ với các rui, đòn tay, đòn dông. Hệ vì gồm có vì



nóc, vì hiên trước, hiên sau, trong đó vì nóc ở giữa theo kiểu vì trính chồng - trụ đội; vì hiên trước và hiên sau là sự lặp lại một nửa của vì nóc ở giữa và cũng theo kiểu biến thể của vì trính chồng - trụ đội. Hệ cột tiền điện có 10 cột, trong đó có 6 cột gỗ và 4 cột hiên bằng đá (hiên trước 2, hiên sau 2) phân bố thành 2 hàng theo chiều sâu. Cửa chính tiền điện ở giữa, khung bằng đá, rộng 60cm, bên trong có khung bằng gỗ, bộ cửa gỗ có hai cánh, có trục quay, giữa lối ra vào có gắn một ngưỡng cửa bằng gỗ. Cửa bằng gỗ lim (dày 3cm, rộng 1,8m, cao 2,7m) sơn màu đỏ, trên cửa có trang trí 4 chữ Hán: 國泰民安 (Quốc thái dân an). Khung gỗ phía trên cửa có gắn hai mắt cửa hình chữ triện trong ô vuông, trên khung cửa có treo dải lụa rủ xuống hai bên. Ngoài cửa chính ở giữa, tiền điện còn có hệ thống các cửa phụ, giữa lối đi vào có một cửa gỗ lớn nối giữa hai trụ giữa, bộ cửa có khung bằng gỗ, có hai cánh bằng gỗ (sơn màu đen), mặt trước có vẽ hình hai vị Môn thần¹; phía trên hệ cửa có một bức hoành chữ Hán, chất liệu bằng gỗ, nền sơn đen, chữ thếp vàng, nền viên đỏ có trang trí đắp nổi hình rồng, bên trên và bên dưới trang trí đồ án “lưỡng long triều dương”, chính giữa bức hoành ghi: 悠久 (Du cửu), lạc khoản ghi niên đại: 光緒十一年 ▪ 次乙

¹ Vị thần Uất Trì Kính Đức ở cánh cửa phía Đông, vị thần Tần Thúc Bảo ở cánh cửa phía Tây. Đây là 2 vị tướng quân thời nhà Đường, tương truyền rằng vua Đường Thái Tông sức khỏe không tốt, vào ban đêm thường nghe trước tẩm cung có tiếng ma quỷ kêu khóc, tam cung lục viện đêm ngày không yên. Đường Thái Tông đem việc này nói với các đại thần, Tần Thúc Bảo xin cùng Uất Trì Kính Đức được đứng giữ hai bên cửa cung vào ban đêm và cả đêm đó bình an vô sự. Đường Thái Tông vui mừng nhưng sợ cả hai vị canh giữ như vậy quá vất vả bèn ra lệnh vẽ hình của hai vị tướng quân này dán vào hai bên cửa cung, từ đó trong cung được bình an vô sự, dần dần dần dần quen với cách làm này và tôn hai vị làm Môn thần.

酉孟秋吉旦 (Quang Tự thập nhất niên tuế thứ Ất Dậu trọng đông cát đán).

Ngăn cách giữa tiền điện và nhà Đông, Tây là hai cửa tả hữu được tro ngay trên tường và có lối đi sâu vào sân trời. Góc tường phía Đông đặt 2 khám thờ Phước Đức Chính thần và Hộ Pháp vuông góc với nhau, góc tường phía Tây đặt bàn thờ Thổ địa.

Kế đến là sân thiên tỉnh có diện tích 104m² (14x10m), thấp hơn nhà Đông nhà Tây và tiền điện 12cm, giữa sân có hồ nước lớp đắp đề tài “Long Ngư hỷ thủy” khảm bằng sành sứ.

Qua sân thiên tỉnh là đền chính điện, diện tích 131,5m², chia làm ba gian: gian giữa rộng 5m, hai gian bên rộng 3,3m, tường dày 38cm. Gian chính giữa thờ Quan Thánh (Quan Vân Trượng), hai bên là tượng Châu Xương và Quan Bình đứng hầu, hai bên bàn thờ Quan Thánh có 2 giá lờ bộ đặt song song nhau, gồm có 7 món: 4 bình khí bằng đồng cán gỗ ở giữa, hai biển “Tĩnh túc hồi tị” bằng gỗ ở hai đầu và một lọng lớn ở trong cùng; hai bên có hai tượng ngựa Xích Thố và Bạch Mã. Khám thờ và các bàn thờ gian giữa đặt các tượng Quan Thánh, trên bàn đặt các đồ thờ cúng, trong đó có 01 bộ tam sự niên đại 1885, 01 cặp hạc rùa ngâm sen bằng kim loại. Trên hai cột gỗ tại chánh điện có treo câu đối chữ Hán: 赤面秉赤心騎赤兔追風馳驅時無忘赤帝, 青燈觀青史像青龍健月 ▪ 為處不愧青天 (Xích diện bình xích tâm, kỵ Xích Thố truy phong, trì khu thời vô vong xích đế, Thanh đăng quan thanh sử, tượng Thanh Long kiến nguyệt, ần vi xứ bất quý thanh thiên). Gian phía Đông thờ Thần Tài có câu đối chữ Hán: 財源永生占大有, 神澤長輔協同人 (Tài nguyên vĩnh

sinh chiếm đại hữu, Thần trạch trường phụ hiệp đồng nhân). Gian phía Tây thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu có câu đối chữ Hán: 海國安瀾如履平地, 舟車普濟若在春風 (*Hải quốc an lan như lý bình địa, Chu xa phổ tế nhưc tại xuân phong*). Sát tường phía Tây đặt mô hình chiếc thuyền gỗ (*niên đại năm 2000*), phía ngoài là giá trống đối xứng với giá chuông. Ngay lối vào gian giữa chính điện có một bàn thờ bằng gỗ lộng lẫy, trên bàn bày bộ ngũ sự, bên ngoài có một bàn hình vuông, trên đặt một lư hương bằng đồng bên trong có khúc gỗ trầm, phía trước đặt tượng Quan Âm. Nền lát gạch hoa, bản lề xung quanh lát đá. Trước chính điện có một bồn hương lớn bằng hợp chất đã bị gỉ, nứt, có chiều cao 80cm, rộng 46cm, ngang 68cm, bồn hương không có nắp đậy, bốn chân choãi cao 50cm, đúc 4 con lân giẫm lên quả cầu, xung quanh thân bồn trang trí đúc nổi các hoa văn và chữ Hán; mặt trước và mặt sau là các minh văn chữ Hán trong ô chữ nhật: 光緒九年 ▪ 次癸未孟夏吉旦立 (*Quang Tự cửu niên tuế thứ Quý Mùi mệnh hạ cát đán lập*). Trong Chính điện có bức hoành phi chữ Hán: 殿宇重光 (*Điện*

vũ trùng quang), lạc khoản ghi: 會安廣肇會館重修落誌慶成, 順化廣肇會館敬奉, 中華民國六十年 ▪ 次辛亥 (*Hội An, Quảng Triệu hội quán trùng tu lạc thành chí khánh, Thuận Hóa, Quảng Triệu hội quán kính phụng, Trung Hoa dân quốc lục thập niên tuế thứ Tân Hợi*). Bức hoành treo trước gian thờ Quan Thánh đề các chữ Hán: 澤蔭同人 (*Trạch âm đồng nhân*), lạc khoản ghi: 光緒十一年 ▪ 次乙酉仲冬吉旦, 創建直事同立 (*Quang Tự thập nhất niên, tuế thứ Ất Dậu, trọng đông, cát đán, Sáng kiến trực sự, đồng lập*); Bức hoành đề chữ Hán: 澄漢宮 (*Trùng Hán cung*), lạc khoản ghi: ▪ 次丙子年季秋吉旦 (*Tuế thứ Bính Tý niên, quý thu, cát đán*). Bức hoành treo trước gian thờ Thiên Hậu, chất liệu gỗ, ghi chữ Hán: 海國慈雲 (*Hải quốc từ vân*), lạc khoản ghi: 光緒乙酉仲冬吉旦 (*Quang Tự tuế thứ Ất Mùi quý thu cốc đán*). Trước gian thờ Thần Tài có treo bức hoành bằng gỗ ghi: 寰海 ▪ 清 (*Hoàn hải kính thanh*), lạc khoản ghi: 光緒十二年仲冬吉旦 (*Quang Tự thập nhị niên trọng đông cát đán*). Hề

mái chính điện có cấu trúc giống mái tiền điện, số hàng ngói ống dương bằng mái tiền điện với 46 ống, cấu tạo kiểu mái và trang trí cũng gần giống nhau. Phần trên đường bờ nóc của mái trang trí đồ án “*Lưỡng Long triều dương*”. Mặt trước đường bờ nóc trang trí các phù điêu đắp nổi bằng ximăng và gốm tráng men xanh, vàng, trắng trong ô hình chữ nhật hay hình



vuông và đặt đối xứng nhau theo đề tài trang trí. Cuối hai đầu đao của mái trang trí dây lá uốn cong thành hình hồi long, phía trong gắn tượng hai con cá chép hóa rồng bằng gốm tráng men màu xanh, trắng, đặt đối xứng nhau. Hệ khung đỡ mái chính điện gồm có rui, đòn tay, đòn dông và kết cấu bộ vòm của chính điện giống tiền điện. Chính điện có 14 đòn tay, mái trước và sau đều là 7, bên dưới đòn dông có xà cò tiết diện hình chữ nhật dẹp chạy song song với đòn dông, thân khắc nổi các chữ Hán chia làm hai đoạn: 光 〰 拾 年 〰 次 甲 申 孟 秋 穀 旦 重 達. 中 華 民 國 五 十 九 年 〰 次 庚 戌 孟 秋 吉 旦 重 修 (*Quang Tự thập niên tuế thứ Giáp Thân mạnh thu cốc đán trọng đạt. Trung Hoa Dân quốc ngũ thập cửu niên, tuế thứ Canh Tuất mạnh thu cát đán trùng tu*). Vì nóc ở giữa theo kiểu vì trính chông trụ đội. Vì hiên trước trang trí kiểu vì vỏ cua, bề mặt chạm các hoa văn sắc xảo theo đề tài hồi văn, đầu rồng, doi, bướm. Các đòn tay gác trên vì vỏ cua này tạo mái hình cong úp giống vỏ cua. Hệ cột có 6 cột (*nội thất 4 cột gỗ, hiên 2 cột đá*), xếp thành 2 hàng theo chiều sâu (*mỗi hàng 3 cột*).

Nhà Đông và nhà Tây là nơi thờ các vị tiền hiền, thành viên quá vãng trong bang hội. Nhà Đông là nơi thờ các vị tiền hiền của bang Quảng Triệu, có tên gọi là: 義 祠 堂 (*Nghĩa Từ đường*); nhà Tây là nơi thờ các vị thân bằng quyến thuộc đã quá vãng của bang Quảng Triệu có tên gọi là: 萬 善 堂 (*Vạn Thiện đường*), bên trong có 03 tấm bia đá khắc chữ Hán. Nhà Đông và nhà Tây có kiến trúc giống nhau, với kiểu mái có đầu hồi, lợp ngói ống với 44 dãy ngói dương. Bờ nóc tạo dáng hơi cong ở hai đầu, bờ nóc, bờ hồi không trang trí mà chỉ giạt cấp nhẹ. Hệ khung đỡ mái với các rui, đòn tay có

cấu tạo giống kiến trúc của tiền điện. Nhà Đông và nhà Tây không có đòn dông mà tại chỗ đặt đòn dông, các thanh rui được nối vào nhau và uốn cong, mỗi nếp nhà có 14 đòn tay. Hệ cột gồm có 4 cột, được chia làm 2 hàng theo chiều dọc, mỗi hàng 2 cột, cột bằng xi măng, tiết diện tròn, đường kính 40cm. Trên tường nhà Đông và nhà Tây trở lồi đi rộng 80cm, cao 160cm thông ra phía trước và sau, không có cánh cửa, đường viền tô đá rửa màu nâu đỏ dày 10cm, phần trên cong vòm, đắp nổi các quả đào, quả phật thủ.

Sự hình thành và tồn tại cho đến ngày nay của hội quán Quảng Triệu nói riêng và các hội quán khác ở Hội An nói chung đóng một vai trò quan trọng nhất định trong lịch sử phát triển của vùng đất Hội An - đô thị thương cảng quốc tế, đồng thời thể hiện sự giao lưu và hội nhập giữa hai nền văn hóa Việt - Hoa thông qua các chi tiết kiến trúc, đồ án trang trí, phong tục thờ cúng. Sự tồn tại này còn phản ánh được những biến động lịch sử về quá trình định cư và phát triển của người Hoa ở vùng đất Hội An, qua đó phản ánh được những giai đoạn hưng thịnh, suy tàn của Hội An trong lịch sử. Trải qua thời gian dài với sự tác động của thiên nhiên, chiến tranh và xu thế hiện đại hóa nhưng hội quán vẫn tồn tại với sự nguyên vẹn cổ xưa thông qua kết cấu kiến trúc, nghệ thuật trang trí đặc sắc, góp phần tạo nên sự đa dạng quần thể kiến trúc độc đáo ở khu phố cổ Hội An, trở thành một thành tố không thể thiếu của di sản văn hóa thế giới - đô thị cổ Hội An.